Chi tiết mã HS 3206.42.90

Mã HS	3206.42.90
Mô tả hàng hóa	Chất màu khác; các chế phẩm như đã ghi trong Chú giải 3 của Chương này, trừ các loại thuộc nhóm 32.03, 32.04 hoặc 32.05; các sản phẩm vô cơ được dùng như chất phát quang, đã hoặc chưa xác định về mặt hóa học / - Chất màu khác và các chế phẩm khác: / - - Litopon và các thuốc màu khác và các chế phẩm từ kẽm sulphua: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	06/11/2026 02:23:29
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/32064290/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4833
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4833
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4833
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4720
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4681
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4681
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4681
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4681
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4681
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4681
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4719
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4719
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4719
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4719

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4719
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4719
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4723
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4723
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4723
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4723
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4723
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4723
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4723
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4687
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4683
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4683
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4683
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4683
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4683
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4683
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4683
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4683
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4683
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4683
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4683
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4683
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4730
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4730
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4730
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4730

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4730
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4730
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4727
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4727
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4727
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4727
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4727
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4727
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4735
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4735
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4735
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4735
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4735
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4735
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4706
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4706
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4706
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4706
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4706
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4706
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4708
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4708
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4708
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4708
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4708
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4708

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4706
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4706
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4706
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4706
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4706
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4706
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4706
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4727
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4727
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4727
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4727
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4727
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4727
RCEP B	2022	2022	0	B!D4727
RCEP B	2023	2023	0	B!E4727
RCEP B	2024	2024	0	B!F4727
RCEP B	2025	2025	0	B!G4727
RCEP B	2026	2026	0	B!H4727
RCEP B	2027	2027	0	B!I4727
RCEP C	2022	2022	0	C!D4727
RCEP C	2023	2023	0	C!E4727
RCEP C	2024	2024	0	C!F4727
RCEP C	2025	2025	0	C!G4727
RCEP C	2026	2026	0	C!H4727
RCEP C	2027	2027	0	C!I4727
RCEP D	2022	2022	0	D!D4727

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4727
RCEP D	2024	2024	0	D!F4727
RCEP D	2025	2025	0	D!G4727
RCEP D	2026	2026	0	D!H4727
RCEP D	2027	2027	0	D!I4727
RCEP E	2022	2022	0	E!D4730
RCEP E	2023	2023	0	E!E4730
RCEP E	2024	2024	0	E!F4730
RCEP E	2025	2025	0	E!G4730
RCEP E	2026	2026	0	E!H4730
RCEP E	2027	2027	0	E!I4730
RCEP F	2022	2022	0	F!D4727
RCEP F	2023	2023	0	F!E4727
RCEP F	2024	2024	0	F!F4727
RCEP F	2025	2025	0	F!G4727
RCEP F	2026	2026	0	F!H4727
RCEP F	2027	2027	0	F!I4727
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4358
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4358
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4358
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4358

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3206.42 có 2 dòng thuế; dòng 3206.42.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	3206.42.10 Các chế phẩm	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3206.42.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3206.42.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4833), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.